

Bản án số: 915/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2022

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Thủy

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Toà án Gò Vấp

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp không tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 312/2022/TLST - HNGĐ ngày 11/3/2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/5/2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2022/QĐST – HNGĐ ngày 07/6/2022), giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Anh Kh, sinh năm 1984

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Diễm Th, sinh năm 1988

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là ông Trần Anh Kh và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Ông Trần Anh Kh và bà Huỳnh Thị Diễm Th chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106/2012, do Ủy ban nhân dân phường 6, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/12/2012. Ông bà chung sống có hai con chung là Trần Thiên K, sinh ngày 22/10/2012 và Trần Triệu V, sinh ngày 31/10/2014. Cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau về tính tình, mỗi lần cãi nhau là bà Thu đòi ly hôn. Bản chính giấy chứng nhận kết hôn đã bị xé bỏ trong lúc cãi vã nhau nên không có để nộp cho tòa án. Ông Kh xác định tình cảm vợ

chồng đối với bà Th không còn nên ông yêu cầu ly hôn bà Thu để ổn định cuộc sống của mình. Ông Kh có công việc ổn định nên đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không có.

Bị đơn là bà Huỳnh Thị Diễm Th mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Thu vắng mặt tại các buổi làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến và Biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2022 của bà Huỳnh Thị Diễm Th thể hiện:

Bà Th đã nhận được tất cả các văn bản tố tụng do tòa án tổng đạt như Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập làm bản tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp. Do bà bận đi làm nên không đến tòa án được.

Bà Th thừa nhận bà chung sống với ông Kh là tự nguyện, có lập chứng nhận kết hôn và có hai con chung. Vợ chồng chung sống mâu thuẫn là do ông Kh ra ngoài làm ăn có tình cảm và chung sống với người phụ nữ khác. Bà Th không muốn ly hôn, bà mong gia đình được đoàn tụ chung sống bên nhau nên đã cố gắng tha thứ và níu kéo trong thời gian vừa qua. Nay bà đồng ý ly hôn với ông Kh vì thấy ông Kh không còn tình cảm dành cho bà nên bà cũng muốn ổn định cuộc sống của mình và các con sau này. Về con chung, bà mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Thiên K, yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng; Giao ông Kh trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Triệu V và bà Th không cấp dưỡng nuôi con vì ông Kh có điều kiện tài chính thu nhập ổn định hơn bà.

Về tài sản chung: Thời gian chung sống, vợ chồng bà có sắm được chiếc xe ô tô nhưng đã bán. Ông Kh có hứa cho bà số tiền 100 triệu đồng, nhưng sau khi bán xe ông Khoa chỉ đưa cho bà có 70 triệu đồng. Khi bà về chung sống với ông Kh, bà Th cùng với mẹ và dì ruột của bà Th có phụ giúp kinh doanh buôn bán nội thất hàng sơn, điện, nước với gia đình ông Kh trong thời gian hai năm. Bà Th đề nghị được xem xét công sức đóng góp của bà Th, mẹ và dì ruột của bà Th trong hai năm này.

Tại bản tự khai ngày 12/5/2022 của trẻ Trần Thiên K thể hiện mong muốn được chung sống với mẹ.

Tại bản tự khai ngày 12/5/2022 của trẻ Trần Triệu V thể hiện mong muốn được chung sống với ba.

Tại bản tự khai ngày 08/6/2022 và Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 08/6/2022, ông Trần Anh Kh trình bày: Ông đồng ý giao trẻ Trần Thiên K cho bà Huỳnh Thị Diễm Th nuôi dưỡng. Đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng như bà Th đề nghị. Ông Kh trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Triệu V mà không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Th yêu cầu ông Kh giải quyết số tiền bán xe hứa đưa cho bà 100 triệu nhưng chỉ mới đưa có 70 triệu, ông Kh không đồng ý. Vì ông đưa tiền lắt nhắt nhiều lần cho bà Th tiêu xài đã lớn hơn số tiền 100 triệu đồng.

Về đề nghị xem xét công sức đóng góp của bà Th, mẹ bà Th và dì ruột bà Th có phụ giúp kinh doanh buôn bán nội thất hàng sơn, điện, nước với gia đình ông Kh trong thời gian hai năm, yêu cầu này ông Kh không đồng ý. Bà Th là người nhà thì việc phụ giúp gia đình là điều đương nhiên. Mẹ bà Th ghé phụ bán hàng ngày trong thời gian khoảng 2,3 tháng (năm 2016). Dì của bà Th thỉnh thoảng mới ghé phụ bán trong thời gian khoảng 2,3 tháng (năm 2016). Tất cả đều được bao ăn ở và được trả lương. Do đó, đề nghị này của bà Th ông Kh không chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu như nêu trên. Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng: Việc thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn yêu cầu xem xét về số tiền nguyên đơn hứa cho bị đơn mà cho chưa đủ và xem xét công sức đóng góp trong việc phụ giúp buôn bán cùng với gia đình chồng; Yêu cầu xem xét thay cho người khác mà không được ủy quyền, không nêu cụ thể mức yêu cầu và không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì nên đề nghị này là không có cơ sở để xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bị đơn có đăng ký thường trú và cư trú tại số --- quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Gò Vấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự thương yêu, tìm hiểu và tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106/2012, do Ủy ban nhân dân phường 6, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/12/2012. Nay có yêu cầu ly hôn, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án là đã tước bỏ quyền được chứng minh của mình, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung quy định tại khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự:

2.1 Về tình trạng hôn nhân: Các đương sự đã có cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc trong thời gian dài mà không cải thiện được. Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng dành cho bị đơn không còn nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống của mình và bị đơn đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng; Các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Việc các đương sự xác định tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, cả hai mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và bị đơn đồng ý đã thể hiện sự tự nguyện xây dựng hôn nhân và gia đình không còn nữa, đời sống vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau. Cuộc sống hôn nhân của các đương sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là giải pháp tốt nhất để cả hai tự ổn định cuộc sống riêng của mình. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2 Về con chung: Có hai con chung tên là Trần Thiên K, sinh ngày 22/10/2012 và Trần Triệu V, sinh ngày 31/10/2014. Bị đơn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Thiên K, yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng; Giao ông Kh trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Triệu V và bị đơn không cấp dưỡng nuôi con. Điều này được nguyên đơn đồng ý, phù hợp với nguyện vọng của hai con chung là trẻ Trần Thiên K và Trần Triệu V trình bày tại bản tự khai ngày 12/5/2022, phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét có cơ sở để chấp nhận.

2.3 Về tài sản chung:

Bị đơn mong muốn được xem xét số tiền bán xe ô tô nguyên đơn có hứa cho mà cho chưa đủ và công sức đóng góp trong hai năm phụ giúp kinh doanh buôn bán nội thất hàng sơn, điện, nước với gia đình của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn không có yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung vợ chồng, không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện tài sản chung là chiếc xe ô tô đã bán và sự thỏa thuận của các bên về việc chia tiền. Bị đơn cũng không nêu cụ thể yêu cầu của mình và không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh công sức đóng góp của mình trong việc phụ giúp kinh doanh tại nhà chồng nên không có cơ sở để chấp nhận.

Bị đơn yêu cầu xem xét công sức đóng góp của mẹ bị đơn và di ruột của bị đơn trong việc phụ giúp kinh doanh tại nhà của nguyên đơn. Xét thấy, bị đơn không được ủy quyền, không nêu cụ thể yêu cầu và không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh công sức đóng góp nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Anh Kh được ly hôn bà Huỳnh Thị Diễm Th. Giấy chứng nhận kết hôn số 106/2012, do Ủy ban nhân dân phường 6, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/12/2012 không còn hiệu lực.

1.2 Về con chung: Có hai con chung là Trần Thiên K, sinh ngày 22/10/2012 và Trần Triệu V, sinh ngày 31/10/2014.

- Giao bà Huỳnh Thị Diễm Th được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Trần Thiên K, sinh ngày 22/10/2012 cho đến khi trưởng thành.

- Giao ông Trần Anh Kh được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Trần Triệu V, sinh ngày 31/10/2014 cho đến khi trưởng thành.

Ông Trần Anh Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là trẻ Trần Thiên K mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho đến khi trẻ Trần Thiên K đủ tuổi trưởng thành. Thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Huỳnh Thị Diễm Th không cấp dưỡng nuôi con là trẻ Trần Triệu V do ông Trần Anh Kh không yêu cầu.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đương sự không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Không có.

2/ Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do ông Trần Anh Kh chịu, nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng ông Kh đã tạm nộp án phí theo biên lai thu số AA/2021/0047853 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp. Ông Trần Anh Kh phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Nơi cấp GCNKH;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị